

BÀN VỀ BẤT ĐỊNH CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀ MỘT SỐ HƯỚNG NGHIÊN CỨU

Discussing of economic policy uncertainty and some research directions

Nguyễn Tiến Hùng¹ và Nguyễn Thị Lệ Thu²

^{1,2}Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Long An, Việt Nam
nguyen.hung@daihoclongan.edu.vn

Tóm tắt — Nghiên cứu về bất định chính sách kinh tế là một lĩnh vực quan trọng trong lĩnh vực kinh tế hiện nay, liên quan đến việc đo lường mức độ không chắc chắn của chính sách kinh tế và tác động của nó đến các hoạt động kinh tế. Trong nghiên cứu này, tác giả giới thiệu về bất định chính sách kinh tế, phân tích chỉ số bất định chính sách kinh tế các quốc gia Đông Nam Á, qua đó đề xuất một số hướng nghiên cứu liên quan đến bất định chính sách kinh tế, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của bất định chính sách kinh tế đến sự lựa chọn đầu tư và sự phát triển của các nền kinh tế.

Abstract — Research on economic policy uncertainty is an important field in economics today, related to measuring the level of uncertainty of economic policies and their impacts on economic activities. In this study, the author introduces economic policy uncertainty, analyzes the economic policy uncertainty index of Southeast Asian countries, and proposes some research directions related to economic policy uncertainty to help minimize the negative impacts of economic policy uncertainty on investment choices and the development of economies.

Từ khóa — Bất định (Uncertainty), Bất định chính sách kinh tế (Economic Policy Uncertainty).

1. Đặt vấn đề

Sự lo ngại về không chắc chắn chính sách đã gia tăng sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, các cuộc khủng hoảng liên tiếp ở Eurozone và các tranh luận chính sách đảng phái ở Hoa Kỳ (Pastor & Veronesi, 2013). Bernanke (1983), Chen & cộng sự (2020) cho rằng sự không chắc chắn về các chính sách tài chính, điều chỉnh và tiền tệ của Hoa Kỳ và châu Âu góp phần vào sự suy giảm kinh tế mạnh vào năm 2008 - 2009 và phục hồi chậm sau đó.

Để điều tra vai trò của sự không chắc chắn chính sách, các nghiên cứu trước phát triển một chỉ số bất định chính sách kinh tế (EPU) cho Hoa Kỳ và nghiên cứu sự phát triển của nó kể từ năm 1985¹. Chỉ số EPU phản ánh tần suất các bài báo trong 10 tờ báo hàng đầu của Hoa Kỳ chứa ba từ: "kinh tế" hoặc "nền kinh tế"; "không chắc chắn" hoặc "sự không chắc chắn"; và một hoặc nhiều từ: "quốc hội", "thâm hụt", "Ngân hàng Trung ương", "pháp lệnh", "quy định" hoặc "Nhà Trắng". Kết quả cho thấy chỉ số EPU tăng đột ngột gần các cuộc bầu cử tổng thống quan trọng, chiến tranh Vùng Vịnh I và II, các vụ tấn công ngày 11 tháng 9, tranh chấp về ngân sách nợ công năm 2011 và các cuộc chiến lớn khác về chính sách tài chính.

Baker & cộng sự (2015) mở rộng phương pháp đo lường không chắc chắn chính sách dựa trên báo chí của mình thành ba chiều: Quay trở lại quá khứ, trên toàn cầu và đối với các danh mục chính sách cụ thể. Để mở rộng đến năm 1900, Baker & cộng sự (2015) dựa vào các lưu trữ của 6 tờ báo lớn ở Mỹ được xuất bản trong suốt thế kỷ trước. Chỉ số EPU dài hạn này nhấn mạnh các sự kiện và chấn động chính trị trước Thế chiến thứ nhất như Đạo luật Tiêu chuẩn Vàng năm 1900, sự bùng phát của Thế chiến I, hội nghị Versailles vào năm 1919 và sự gia tăng bền vững trong sự bất định về chính sách từ cuối năm 1931 khi Tổng thống Hoover, sau đó là Tổng thống Roosevelt giới thiệu một loạt các chính sách mới lớn. Chỉ số cũng cho thấy sự tăng dân kể từ những năm 1960, có thể do sự phân hóa chính trị tăng lên hoặc vai trò kinh tế ngày càng tăng của chính phủ.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm bất định chính sách kinh tế

Davis (2016) đưa ra khái niệm bất định chính sách kinh tế (CSKT) là loại bất định liên quan đến chính phủ (ngoài thiên tai, chiến tranh) có ba thành phần: (i) Sự không chắc chắn ai

¹ Our data are available at monthly and daily frequencies on www.policyuncertainty.com and are carried by Bloomberg, Haver, FRED and Reuters.

sẽ là người đưa ra các quyết định chính sách có tác động tới kinh tế. Khi các cuộc bầu cử, các cuộc thay đổi đảng lãnh đạo hay các cuộc cách mạng chưa kết thúc thì chưa rõ ai sẽ là người lên nắm quyền; (ii) Sự không chắc chắn về những quyết định chính sách cuối cùng được đưa ra. Quyết định chính sách có thể bị trì hoãn do mâu thuẫn giữa các đảng chính trị hoặc đang chờ đợi quyết định cuối cùng sau đàm phán; (iii) Sự không chắc chắn về cách thức mà các quyết định chính sách cụ thể sẽ tác động như thế nào đến nền kinh tế như các biện pháp trừng phạt thương mại của Hoa Kỳ đối với Nga có ảnh hưởng đến việc bán hàng của doanh nghiệp hay không? Liệu nó có ảnh hưởng đến số lượng việc làm trong nền kinh tế hay không?

Theo tác giả, bất định CSKT là một khái niệm chỉ sự không chắc chắn về các CSKT được thiết lập và thực hiện bởi chính phủ hoặc các tổ chức liên quan, ảnh hưởng đến quyết định đầu tư và kinh doanh của các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Bất định CSKT xảy ra khi những quyết định chính sách không rõ ràng, khó đoán trước hoặc bị thay đổi thường xuyên như thay đổi chính sách thuế, lãi suất, kiểm soát giá cả, thương mại quốc tế và chính sách đầu tư công gây ra sự mất ổn định, tăng rủi ro cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư.

2.2. Đo lường bất định chính sách kinh tế

Có nhiều cách đo lường EPU, theo Davis (2016) cho thấy 2 cách đo lường EPU, đó là:

2.2.1. Sử dụng báo chí để định lượng sự bất định chính sách kinh tế:

Baker & cộng sự (2016) sử dụng tần suất báo chí để xây dựng chỉ số bất định CSKT². Chỉ số EPU hàng tháng tại Hoa Kỳ được định lượng dựa trên 10 tờ báo lớn, họ tìm kiếm trong các lưu trữ số hóa của mỗi tờ báo để thu thập số lượng bài báo hàng tháng chứa ba thuật ngữ: “Bất định” hoặc “không chắc chắn”; “kinh tế” hoặc “nền kinh tế” và một số thuật ngữ chính sách: “Quốc hội,” “thâm hụt,” “Ngân hàng Trung ương,” “luật,” “quy định” hoặc “Nhà Trắng” (bao gồm các biến thể “bất định,” “quy định” và “Fed”). Để đáp ứng tiêu chí EPU, một bài báo phải chứa các thuật ngữ trong cả ba danh mục liên quan đến *kinh tế (E)*, *chính sách (P)* và *bất định (U)*. Đối với mỗi tờ báo, nghiên cứu đã chuẩn hóa chuỗi hàng tháng đến độ lệch chuẩn theo thời gian. Bước cuối cùng là xác định trung bình số lượng tỷ lệ đã được chuẩn hóa của các báo trên 10 tờ báo hàng tháng để thu được chỉ số EPU hàng tháng. Do đó, ta có thể coi giá trị chỉ số EPU hàng tháng là tỷ lệ trung bình của các bài báo trong tờ báo đề cập đến bất định CSKT trong tháng đó.

Đối với phương pháp này một câu hỏi được đặt ra là làm thế nào để chọn các thuật ngữ cụ thể để xác định việc đọc tự động của máy tính có phân loại một bài báo là "EPU = Có" hay "EPU = Không". Những lo ngại liên quan đến việc lựa chọn này đặc biệt nghiêm trọng đối với bộ thuật ngữ P vì nhiều thuật ngữ liên quan đến chính sách có thể hữu ích để đánh dấu các bài báo về sự bất định CSKT. Đối với bất kỳ thuật ngữ nào, phân loại tự động của máy tính thường có hai loại lỗi: (1) Giả (false positive) khi máy tính phân loại một bài báo là "EPU = Có" nhưng khi đọc nội dung bài báo lại kết luận "EPU = Không"; (2) Ngược lại (false negative), khi máy tính phân loại một bài báo là "EPU = Không" nhưng khi đọc nội dung bài báo lại kết luận "EPU = Có". Để giải quyết vấn đề này, Baker & cộng sự (2016) đã tiến hành một cuộc kiểm định trên quy mô lớn với 12.000 bài báo được chọn ngẫu nhiên từ các tờ báo Mỹ. Dưới sự giám sát chặt chẽ của nhóm nghiên cứu, nhóm sinh viên đại học Chicago đã trải qua đào tạo và đọc nội dung của 12.000 bài báo được hướng dẫn bởi một tài liệu tham khảo dày 65 trang và các cuộc họp nhóm hàng tuần. Các kiểm định viên đã mã hóa mỗi bài báo là "EPU=Có" hoặc "EPU=Không" dựa trên khái niệm bất định CSKT muốn xác định. Sau đó, nhóm tác giả so sánh các phân loại của nhóm kiểm soát này (con người) với kết quả phân loại tự động của máy tính được chỉ ra bởi hàng ngàn bộ từ khóa P khác nhau. Đối với mỗi tập từ khóa P, phân loại tự động của máy tính xác định một tập hợp các false positive và false negative liên quan đến cách phân loại của nhóm kiểm soát này (con người). Nhóm nghiên cứu chọn từ khóa P ưa thích là tập từ khóa P tối thiểu hóa tổng số false positive và false negative.

2.2.2. Chỉ số về sự bất định chính sách kinh tế toàn cầu:

² <https://www.policyuncertainty.com/methodology.html>

Davis (2016) sử dụng các phương pháp tương tự Baker & cộng sự (2013, 2014, 2016) trong việc xây dựng các chỉ số EPU của các nước khác thông qua việc dựa trên báo chí hàng tháng của 13 quốc gia khác nhau: Australia, Brazil, Canada, Trung Quốc, Pháp, Đức, Ấn Độ, Ý, Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc, Tây Ban Nha và Vương Quốc Anh. Tất cả các tìm kiếm đều được thực hiện bằng ngôn ngữ bản địa của mỗi quốc gia. Để phát triển các bộ thuật ngữ E, P và U thích hợp, Davis (2016) đã tham khảo ý kiến của những người có trình độ chuyên môn và khả năng sử dụng tiếng Anh ở mỗi quốc gia tương ứng. Các bộ thuật ngữ P khác nhau cho mỗi quốc gia vì nhiều lý do khác nhau, bao gồm những lý do rõ ràng (sử dụng "BOJ" cho Nhật Bản) và những lý do đặc biệt (sử dụng "thuế hải quan" cho Ấn Độ). Để xây dựng chỉ số bất định CSKT toàn cầu (GEPU), Davis (2016) thực hiện như sau:

✓ Bước 1, chuẩn hóa lại từng chỉ số EPU quốc gia thành mức trung bình là 100 từ năm 1997 (hoặc năm đầu tiên) đến năm 2015.

✓ Bước 2, điền giá trị bị thiếu cho các nước Úc, Ấn Độ, Hà Lan và Tây Ban Nha bằng phương pháp dựa trên hồi quy. Bước này tạo ra một bảng dữ liệu cân bằng của các giá trị chỉ số EPU hàng tháng cho 16 quốc gia từ tháng 1 năm 1997 đến tháng 8 năm 2016.

✓ Bước 3, tính giá trị chỉ số GEPU cho mỗi tháng như là trung bình có trọng số GDP của 16 giá trị chỉ số EPU quốc gia, sử dụng dữ liệu GDP từ cơ sở dữ liệu IMF.

Kết quả cho thấy chỉ số GEPU ảnh hưởng mạnh với các cuộc khủng hoảng tài chính châu Á và Nga, các vụ khủng bố 11/9, cuộc xâm lược Iraq do Mỹ dẫn đầu, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu giai đoạn 2008-2009, cuộc khủng hoảng nhập cư châu Âu và các lo ngại về kinh tế Trung Quốc cuối năm 2015 và cuộc trưng cầu ý dân về Brexit vào năm 2016. Chỉ số GEPU dao động ở mức cao liên tục từ giữa năm 2011 đến đầu năm 2013, một giai đoạn đặc trưng bởi các cuộc khủng hoảng nợ chính phủ và ngân hàng tái diễn trong khu vực đồng tiền châu Âu, những cuộc chiến gay gắt về chính sách tài khóa, chăm sóc sức khỏe ở Hoa Kỳ (Colombo, 2013) và sự chuyển giao chính trị tại Trung Quốc (Ah, 2017).

3. Chỉ số bất định chính sách kinh tế các quốc gia Đông Nam Á

3.1. Phân tích

Bộ chỉ số bất định CSKT của mỗi quốc gia đều có những đặc trưng riêng, phản ánh tình hình chính trị và kinh tế của từng quốc gia. Trong nghiên cứu này, tác giả phân tích bộ chỉ số EPU của các quốc gia Đông Nam Á (trừ Brunie và Đông Timor). Dữ liệu được thu thập theo quý lần lượt từng quốc gia giai đoạn từ 1960 đến 2022, được đo lường như nghiên cứu Baker & cộng sự (2016)³. Bộ chỉ số bất định chính sách kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á được xây dựng dựa trên số lượng các bài báo xuất hiện trên các trang tin tức quốc tế về các chính sách kinh tế từng quốc gia Đông Nam Á trong giai đoạn 1960 – 2022 với sự hỗ trợ từ phần mềm SPSS trong thống kê mô tả. Các bài báo này được thu thập và phân tích bằng phương pháp định lượng thông qua các thuật toán máy tính như nghiên cứu Baker & cộng sự (2016) để xác định mức độ bất định của CSKT, cụ thể:

Bảng 1: Thống kê mô tả chỉ số EPU các quốc gia Đông Nam Á từ 1960 đến 2022

Chỉ số EPU	Mẫu	Tối thiểu	Tối đa	Độ lệch chuẩn	Phương sai
EPU_Campuchia	252	0,0000	0,9975	0,2063	0,043
EPU_Malaysia	252	0,0000	1,5625	0,2324	0,054
EPU_Philippines	252	0,0000	1,7621	0,1942	0,038
EPU_Singapore	252	0,0000	1,4333	0,1823	0,033
EPU_Vietnam	252	0,0000	1,4780	0,1795	0,032
EPU_Indonesia	252	0,0000	0,8771	0,1580	0,025
EPU_Myanmar	252	0,0000	0,9775	0,1683	0,028
EPU_Thailand	252	0,0000	1,0700	0,1996	0,040
EPU_Lao	252	0,0000	101,8182	6,7302	45,296

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Chỉ số EPU của Việt Nam thấp nhất là 0 và cao nhất là 1,4780 trong giai đoạn 1960 – 2022. Chỉ số EPU cao trong giai đoạn trước 1970, từ đó về sau có xu hướng giảm dần. Bộ chỉ

³ được thu thập tại <https://fred.stlouisfed.org/categories/33201>

số EPU của Việt Nam tăng đột ngột vào năm 2014 và 2015, chủ yếu là do việc điều chỉnh giá đồng nội tệ và việc tăng thuế trên một số mặt hàng nhập khẩu. Tuy nhiên, từ đó đến 2022 chỉ số EPU của Việt Nam đã giảm đáng kể và ổn định ở mức thấp. Điều này cho thấy trong những năm gần đây. Các sự kiện địa chính trị như các cuộc bầu cử và các quyết định chính sách của chính phủ liên quan đến thị trường, thuế, lãi suất và thương mại quốc tế đã góp phần làm ổn định mức độ bất định và không chắc chắn về CSKT Việt Nam.

Chỉ số bất định CSKT của Lào được tính bằng cách đếm số lượng bài báo về chính sách kinh tế xuất hiện trên các trang báo chính thống trong nước và quốc tế trong một khoảng thời gian nhất định. Theo đó, EPU của Lào đã có một số biến động nhất định trong vài năm gần đây (cuối năm 2019 đến nay). Theo số liệu từ EPU World Index trong năm 2020, chỉ số EPU của Lào là 144,7 điểm, tăng lên so với năm 2019 (116,9 điểm). Tuy nhiên, chỉ số EPU của Lào vẫn ở mức thấp so với các nước trong khu vực. Một số nguyên nhân được giải thích là các thay đổi trong CSKT của chính phủ, sự phát triển của các đối tác thương mại quốc tế và các yếu tố thị trường khác nhau như biến động giá cả và tình trạng kinh tế toàn cầu.

Bộ chỉ số bất định của Campuchia là một tập hợp các chỉ số kinh tế và xã hội quan trọng được sử dụng để đánh giá tình trạng phát triển, bộ chỉ số này có thể bao gồm các chỉ số như GDP, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ nghèo đói, chất lượng giáo dục và sức khỏe. Kết quả phân tích cho thấy chỉ số EPU của Campuchia thấp nhất là 0 và cao nhất là 0,9975 với độ lệch chuẩn khá thấp (0,2063) trong giai đoạn 1960 – 2022. Điều này lý giải cho việc Campuchia là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất ở khu vực Đông Nam Á trong những năm gần đây. Tuy nhiên, Campuchia vẫn đang phải đối mặt với nhiều thách thức như tỷ lệ thất nghiệp cao, sự phụ thuộc quá mức vào các ngành công nghiệp đang phát triển, chất lượng giáo dục và đội ngũ giáo viên ở đây vẫn còn hạn chế, đặc biệt là ở khu vực nông thôn.

Kết quả phân tích cho thấy chỉ số EPU của Thái Lan thấp nhất là 0 và cao nhất là 1,107 trong giai đoạn 1960 – 2022. Chỉ số EPU cao trong giai đoạn trước 1990, từ đó đến trước 2008 có xu hướng giảm dần. Bộ chỉ số EPU của Thái Lan có xu hướng tăng từ năm 2008 đến năm 2014, do sự ổn định chính trị bị ảnh hưởng bởi các cuộc đảo chính và bất ổn kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, sau đó chỉ số EPU của Thái Lan đã giảm đáng kể nhờ sự ổn định chính trị và tăng trưởng kinh tế ổn định từ 2015 đến nay.

Chỉ số EPU của Myanmar thấp nhất là 0 và cao nhất là 0,9775 trong giai đoạn 1960 – 2022. Từ 1975 đến nay, chỉ số EPU của Myanmar luôn dưới 600 (<1). Điều này cũng lý giải nguyên nhân vì sau bộ chỉ số EPU của Myanmar được xếp hạng khá cao. Tuy nhiên, Myanmar đã trải qua nhiều biến động chính trị trong những năm gần đây (đảo chính và bạo động). Ngoài ra, việc giải quyết các cuộc tranh chấp và đối thoại giữa các phe phái trong nước cũng là một vấn đề đang được đặt ra.

Chỉ số EPU của Singapore thấp nhất là 0 và cao nhất là 1,4333 trong giai đoạn 1960 – 2022. Chỉ số EPU cao trong giai đoạn trước 1990, từ đó đến nay có xu hướng giảm dần. Kết quả này cũng cho thấy Singapore là một trong những quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất thế giới và là trung tâm tài chính, kinh tế và thương mại quan trọng của khu vực Đông Nam Á. Singapore được đánh giá là một trong những quốc gia ổn định nhất trên thế giới về mặt chính trị. Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến phân biệt chủng tộc và bất bình đẳng vẫn còn tồn tại, mặc dù đã được chính quyền địa phương đang tìm cách giải quyết.

Chỉ số EPU của Indonesia luôn dưới 1000 (<1) và có xu hướng giảm từ 2012 đến nay. Bộ chỉ số EPU của Indonesia tăng đột ngột vào năm 2015 và 2016 do giá dầu giảm mạnh và ảnh hưởng đến ngân sách quốc gia. Tuy nhiên, chỉ số EPU của Indonesia đã giảm sau đó nhờ sự ổn định kinh tế và chính trị.

Chỉ số EPU của Philippines luôn dưới 800 (<1). Bộ chỉ số EPU của Philippines có xu hướng tăng từ năm 2010 đến năm 2014 do ảnh hưởng của các thảm họa tự nhiên và chiến tranh tại khu vực. Tuy nhiên, sau đó chỉ số EPU của Philippines đã giảm nhờ sự ổn định kinh tế và chính trị.

Chỉ số EPU của Malaysia luôn dưới 800 (<1). Theo bộ chỉ số EPU, Malaysia đã ghi nhận mức độ bất định CSKT tăng đột biến vào năm 2020 do tác động của đại dịch Covid-19. CSKT

của Malaysia đã phải thay đổi và điều chỉnh để ứng phó với tình hình khó khăn do đại dịch gây ra, từ việc hạn chế di chuyển, ngừng hoạt động của nhiều doanh nghiệp đến việc cung cấp hỗ trợ cho người dân và các doanh nghiệp bị ảnh hưởng. Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ bất định CSKT của Malaysia là việc thay đổi lãnh đạo cấp cao của chính phủ và sự thay đổi các chính sách kinh tế của chính phủ mới đóng vai trò quan trọng trong việc xác định mức độ bất định CSKT của Malaysia trong năm 2021 và các năm tiếp theo.

Brunei và Đông Timor là hai quốc gia nhỏ thuộc Đông Nam Á, có nền kinh tế phát triển dựa trên ngành dầu mỏ và khí đốt, hiện Brunei và Đông Timor chưa xác định được chỉ số EPU, tuy nhiên các nghiên cứu trước thường phân tích và Đông Timor theo chỉ số chính sách. Brunei được xếp hạng thứ 77 trên thế giới trong chỉ số tự do kinh doanh của Heritage Foundation năm 2021 với điểm số 66,5 trên 100. Điều này chỉ ra rằng Brunei có một môi trường kinh doanh tương đối thuận lợi và các quy định kinh doanh khá ổn định.

3.2. Nhận xét

Nhìn chung, các quốc gia Đông Nam Á có các đặc điểm riêng trong bộ chỉ số EPU, phản ánh tình hình chính trị và kinh tế của từng quốc gia. Các quốc gia này đều có xu hướng giảm chỉ số EPU sau những giai đoạn bất ổn và tăng trưởng kinh tế ổn định. Việc theo dõi chỉ số bất định của các nước Đông Nam Á trong khoảng thời gian từ 1960 đến 2022 sẽ cung cấp cho chúng ta một cái nhìn tổng thể về tình hình ổn định kinh tế, chính trị và xã hội trong khu vực Đông Nam Á. Trong giai đoạn này, nhiều quốc gia Đông Nam Á trong đó có Việt Nam đã trải qua các sự kiện quan trọng (khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, các cuộc bạo động và đảo chính chính trị, đại dịch Covid-19). Tuy nhiên, nhiều quốc gia Đông Nam Á đã có những bước phát triển tích cực trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục và công nghệ (Singapore, Thái Lan, Việt Nam). Xét về chỉ số bất định, theo các báo cáo của tổ chức Freedom House, trong giai đoạn này nhiều quốc gia Đông Nam Á có sự cải thiện đáng kể về mức độ bất định, đặc biệt là trong lĩnh vực tự do dân chủ. Tuy nhiên, một số quốc gia vẫn đang đối mặt với những thách thức lớn trong việc giải quyết các vấn đề về dân quyền, tự do báo chí và tham nhũng.

4. Một số hướng nghiên cứu liên quan

Bất định CSKT đang là một chủ đề nghiên cứu quan trọng trong khoa học kinh tế hiện nay bởi nó liên quan trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của một quốc gia. Tuy nhiên, việc nghiên cứu bất định CSKT đòi hỏi phải xem xét nhiều yếu tố khác nhau bao gồm các yếu tố chính trị, kinh tế và xã hội. Dưới đây, tác giả đề xuất một số hướng nghiên cứu liên quan:

Ảnh hưởng của bất định CSKT đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp: Hướng nghiên cứu này tập trung vào việc đưa ra các giải pháp quản lý rủi ro hiệu quả. Cụ thể:

- ✓ Tác động của bất định CSKT đến sự phát triển kinh tế và xã hội của một quốc gia: Hướng nghiên cứu này tập trung vào việc đánh giá ảnh hưởng của bất định CSKT đến tăng trưởng kinh tế, việc làm, thu nhập và các chỉ tiêu xã hội khác của một quốc gia (thuế, tài chính, đầu tư, thương mại, giáo dục và đào tạo).

- ✓ Định hướng CSKT trong bối cảnh bất định hiện nay: Hướng nghiên cứu này tập trung vào việc xác định các CSKT phù hợp để giảm thiểu rủi ro và tăng cường sự ổn định kinh tế trong bối cảnh bất định chính sách.

- ✓ Xây dựng các mô hình dự báo bất định CSKT: Hướng nghiên cứu này tập trung vào việc phát triển các mô hình dự báo để giúp các quyết định chính sách được đưa ra một cách chính xác và có hiệu quả hơn.

Nghiên cứu về độ trễ của bất định CSKT: Hướng nghiên cứu về độ trễ của bất định CSKT có thể xoay quanh việc nghiên cứu về tác động của sự trì hoãn trong việc thực hiện CSKT lên nền kinh tế và các tác động liên quan. Nhiều nghiên cứu về phản ứng của thị trường (tăng trưởng tín dụng, phát triển kinh tế) trong việc thay đổi các CSKT trong và ngoài nước (thay đổi tỷ giá hối đoái, chính sách lãi suất của Fed, bất ổn về chính trị) sẽ phản ứng ngay lập tức hay sau một khoảng thời gian,... một số hướng nghiên cứu có thể thực hiện:

- ✓ Tác động của độ trễ CSKT lên sự phát triển kinh tế: Hướng nghiên cứu này có thể tập trung vào việc phân tích tác động của việc trì hoãn thực hiện CSKT đến sự phát triển kinh tế của một quốc gia, bao gồm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến độ trễ của chính sách và

những tác động dài hạn của việc trì hoãn này đến các chỉ tiêu kinh tế (tăng trưởng GDP, việc làm và thu nhập).

✓ Tác động của độ trễ của CSKT đến quyết định đầu tư: Hướng nghiên cứu này có thể tập trung vào việc phân tích tác động của độ trễ của CSKT đến quyết định đầu tư của các công ty. Việc trì hoãn thực hiện chính sách có thể ảnh hưởng đến việc đưa ra quyết định đầu tư và làm giảm độ tin cậy của các công ty đối với môi trường kinh doanh, làm các quyết định đầu tư trở nên khó khăn hơn.

✓ Độ trễ của CSKT và sự không ổn định kinh tế: Hướng nghiên cứu này có thể tập trung vào việc phân tích tác động của độ trễ của CSKT đến sự ổn định kinh tế. Sự trì hoãn trong việc thực hiện CSKT có thể làm gia tăng sự không ổn định kinh tế, làm cho nền kinh tế khó khăn hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư và kinh doanh.

Một số hướng nghiên cứu khác như:

✓ Thời gian gần đây, sự sụp đổ của nhiều ngân hàng tại Mỹ (Silicon Valley Bank, Silvergate và Signature Bank) cũng như những tác động tiêu cực từ các công ty bất động sản trong nước (thao túng cổ phiếu, mất khả năng thanh toán trái phiếu, chứng khoán hóa bất động sản) đã gây nên tâm lý hoang mang cho nhà đầu tư, người gửi tiền cũng như khả năng an toàn của ngân hàng. Do đó cần có một nghiên cứu kiểm tra tính bền vững của hệ thống các ngân hàng trong nước khi có sự bất định trong CSKT.

✓ Chiến lược và cách thức thích nghi của các công ty trong bối cảnh bất định CSKT. Hướng nghiên cứu này có thể tập trung vào việc phân tích các chiến lược và cách thức thích nghi của các công ty trong bối cảnh bất định CSKT, bao gồm việc tìm kiếm các thị trường thay thế, đầu tư nghiên cứu và phát triển và tăng cường quản lý rủi ro.

✓ Tác động của công nghệ vào bất định chính CSKT: Nghiên cứu về tác động của công nghệ, đặc biệt như trí tuệ nhân tạo, Blockchain, IoT, và Big Data vào bất định CSKT.

✓ Tình hình kinh tế và xã hội hiện tại và tương lai: Nghiên cứu về tình hình kinh tế và xã hội hiện tại và tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa và các thay đổi khí hậu, để đưa ra các giải pháp phát triển kinh tế bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ah, O. Y. (2017). China's Economic Ties with Southeast Asia. *World Economy Brief*, 7(18), 1–8.
- [2]. Baker, S. R., Bloom, N., & Davis, S. J. (2016). Measuring economic policy uncertainty. *The quarterly journal of economics*, 131(4), 1593-1636.
- [3]. Baker, S. R., Bloom, N., Canes-Wrone, B., Davis, S. J., & Rodden, J. (2014). Why has US policy uncertainty risen since 1960?. *American Economic Review*, 104(5), 56-60.
- [4]. Baker, S., Bloom, N., & Davis, S. (2015). Immigration fears and policy uncertainty. *VoxEU*.
- [5]. Baker, S., Bloom, N., Davis, S. J., & Wang, X. (2013). *A measure of economic policy uncertainty for China*.
- [6]. Bernanke, B. S. (1983). Irreversibility, uncertainty, and cyclical investment. *The quarterly journal of economics*, 98(1), 85-106.
- [7]. Chen, X., Le, C. H. A., Shan, Y., & Taylor, S. (2020). Australian policy uncertainty and corporate investment. *Pacific-Basin Finance Journal*, 61, 101341.
- [8]. Colombo, V. (2013). Economic policy uncertainty in the US: Does it matter for the Euro area? *Economics Letters*.
- [9]. Davis, S. J. (2016). *An index of global economic policy uncertainty*. National Bureau of Economic Research.
- [10]. Pastor, L., & Veronesi, P. (2013). Political uncertainty and risk premia. *Journal of financial Economics*, 110(3), 520-545.

Ngày gửi bài: 07/4/2023

Ngày phản biện: 27/4/2023

Ngày duyệt đăng: 24/5/2023